

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/12/2018

V/v “tranh chấp ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Quynh.

2. Ông Lý Đình Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 07/12/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX-ST ngày 13/11/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 19 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn LT, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang ở tại: Số 10, ngõ 63, đường ĐK, thôn ĐK, xã CN, huyện BD, Đài Loan.

Đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị H là anh Nguyễn Thế P – Sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 160, đường XG, phường NQ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Bị đơn:** Anh Thân Văn L – Sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn LT, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 26/01/2018 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Thân Văn L kết hôn ngày 06/12/1994 tại UBND xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 12/2008 vợ chồng chị đã sống ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải và động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Thân Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Cháu thứ nhất là Thân Thị H, sinh ngày 24/4/1996. Cháu thứ hai là Thân Văn T, sinh ngày 10/9/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Thân Văn L được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh L. Chị cũng ủy quyền cho em trai là anh Nguyễn Thế P – Sinh năm 1977, địa chỉ: số 160, đường XG, phường NQ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị được biết.

Bị đơn là anh Thân Văn L trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 06/12/1994 tại UBND xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không hòa giải, khắc phục được. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Cháu thứ nhất là Thân Thị H, sinh ngày 24/4/1996. Cháu thứ hai là Thân Văn T, sinh ngày 10/9/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Mặc dù chị H không yêu cầu nhưng anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 790m² tại LT, xã NV,

huyện TY, tỉnh Bắc Giang và yêu cầu trích chia thu nhập của chị Nguyễn Thị H trong thời gian lao động tại nước ngoài, tổng số tiền là 940.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2018 anh Thân Văn L trình bày: Tôi có yêu cầu về tài sản chung và đã được Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình, nhưng hiện nay tôi chưa có tiền nộp tạm ứng án phí, do vậy khi nào tôi có tiền nộp thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết sau.

Về công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị H, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Anh Thân Văn L trình bày: Việc kết hôn chị H trình bày là đúng, còn nguyên nhân và thời gian mâu thuẫn chị H trình bày chưa đúng. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vẫn thương yêu nhau. Tôi vẫn làm thủ tục để cô ấy đi nước ngoài năm 2004, sau đó 3 năm cô ấy về nhưng không về nhà với tôi. Suốt thời gian đi nước ngoài cô ấy không liên hệ gì với tôi, khi cần thì cô ấy chủ động liên hệ còn tôi không biết cách liên hệ với cô ấy. Năm 2008 tôi vi phạm pháp luật án ma túy phải chấp hành 6 năm 06 tháng tù, chấp hành ở Đắc Lắc. Năm 2010 cô ấy có vào thăm một lần rồi không liên lạc gì nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với cô H. Về con chung có hai con đã trưởng thành, con gái đã lấy chồng và ly hôn, con trai đi bộ đội. Các con không có công sức đóng góp gì vào tài chung của vợ chồng tôi. Công nợ vợ chồng tôi không cho ai vay cũng không nợ nần ai cả. Tôi có yêu cầu chia tài sản chung nhưng hiện tại chưa có tiền nộp án phí theo quy định của pháp luật, khi nào có tiền nộp án phí tôi sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Văn L. Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh L có đơn yêu cầu giải quyết tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí theo quy định nên không giải quyết, sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan có đơn xin ly hôn anh Thân Văn L, anh L có hộ khẩu thường trú tại Thôn LT, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Quá trình giải quyết anh L có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Như vậy, đây là vụ án “tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Văn L kết hôn ngày 06/12/1994 tại UBND xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 12/2008 vợ chồng chị đã sống ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải và động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Cả chị H, anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh L cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Văn L.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, anh Thân Văn L có 02 con chung là Thân Thị H, sinh ngày 24/4/1996, Thân Văn T, sinh ngày 10/9/1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định tự lập. Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, anh L cũng xác định các con chung hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX thấy hai con chung của chị H, anh L đã trưởng thành có cuộc sống riêng, ổn định, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung:

- Đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Thân Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 790m² tại LT, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang trị giá khoảng 200 triệu đồng và yêu cầu trích chia đôi tài sản là thu nhập của chị Nguyễn Thị H trong thời gian lao động tại nước ngoài với số

tiền 1.680.000.000 đồng (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn), tổng cộng anh yêu cầu được nhận số tiền là 940.000.000 đồng. Ngày 19/10/2018 Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản của anh Thân Văn L nhưng hết thời hạn quy định anh L vẫn chưa nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Thân Văn L trình bày: Tôi có yêu cầu về tài sản chung và đã được Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình, nhưng hiện nay tôi chưa có tiền nộp tạm ứng án phí, khi nào tôi có tiền nộp thì sẽ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết sau. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 1, Điều 146; Điều 202-Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, HĐXX không đặt ra xem xét yêu cầu chia tài sản của anh Thân Văn L.

Sau này nếu có tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản các bên đương sự anh L, chị H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H, anh Thân Văn L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 1, Điều 146; khoản 4, Điều 147; Điều 202; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Văn L.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0001824 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị H cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Thân Văn L cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã NV, TY;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng